

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ**

---

**PHẠM NGỌC DŨNG**

**GỐM CỔ TRONG ĐỜI SỐNG  
VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**CHUYÊN NGÀNH: VĂN HOÁ DÂN GIAN  
MÃ SỐ: 62 31 70 05**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HOÁ HỌC**

**HÀ NỘI - 2010**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**

**VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ  
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học  
PGS. Cao Xuân Phổ  
PGS.TS. Võ Quang Trọng**

**Phản biện 1: GS.TS. Kiều Thu Hoạch**

**Phản biện 2: PGS.TS. Trần Đức Ngôn**

**Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Xuân Đức**

**Luận án tiến sĩ sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp  
nhà nước họp tại Viện Nghiên cứu văn hoá vào hồi      giờ      ngày  
tháng      năm 2010.**

**Có thể tìm đọc luận án tại:**

- Thư viện Viện Nghiên cứu văn hoá
- Thư viện Quốc gia

### **Danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án**

1. Phạm Ngọc Dũng (2004), "Gốm trong đời sống xã hội xưa",  
Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, (5).
2. Phạm Ngọc Dũng (2007), "Sưu tầm và bảo quản cổ vật Việt  
Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế", Tham luận Hội thảo  
khoa học *Chính sách văn hoá Việt Nam trong bối cảnh toàn  
cầu hoá kinh tế* của Bộ Văn hoá thông tin.
3. Phạm Ngọc Dũng (2008), "Lướt nhìn về thị trường cổ vật Việt  
Nam", Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, (4).
4. Phạm Ngọc Dũng (2008), "Cổ vật Việt Nam thực trạng và đề  
xuất", Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*, (8).

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

**1.1.** Ở một số dân tộc trên thế giới, gốm không chỉ được coi là những vật dụng đơn thuần phục vụ cho sinh hoạt mà còn là những tác phẩm mang giá trị mỹ thuật của một nền văn hóa riêng biệt. Gốm Việt Nam cũng nằm trong số đó. Từ xa xưa, thông qua những sản phẩm gốm, người Việt Nam đã bộc lộ đầy đủ sự tinh tế của mình.

Là một nước nhỏ nằm giữa hai nền văn minh lớn: Trung Quốc và Ấn Độ, Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai nền văn minh này. Nhất là văn minh Trung Quốc, đặc biệt trong lĩnh vực gốm. Nhưng cũng như bao hoạt động khác trong lĩnh vực văn hóa, gốm Việt Nam vẫn mang dấu ấn riêng của mình qua nhiều yếu tố mà gốm đã thể hiện như chất liệu, hình dáng, màu sắc, hoa văn, trang trí, men. Bằng những yếu tố trên, gốm Việt Nam đã khẳng định vị trí của mình mang hồn của đất, tinh thần và sự khéo léo của con người. Chính vì lẽ đó nó đã cuốn hút được sự chú ý của nhiều người sưu tập, nghiên cứu trong và ngoài nước.

**1.2.** Ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới, gốm cổ đã được coi là những đồ vật trang trí nội thất, nó tôn lên giá trị của những công trình kiến trúc. Không chỉ có thế, gốm cổ còn được coi là những tiêu chí đánh giá trình độ, kinh tế, văn hóa hay vị trí xã hội của một cá nhân, gia đình thậm chí một dòng họ.

Vào những năm 80 của thế kỷ XX, trong quá trình xây dựng người ta đã phát hiện và khai quật được rất nhiều di chỉ khảo cổ và hàng ngàn di vật gốm đã được tìm thấy. Lúc đầu, những di vật này trôi nổi tự do trên thị trường với giá trị thấp và đã thu hút sự chú ý của tầng lớp buôn bán, sưu tập trong và ngoài nước. Cùng với những sự kiện trên, những con tàu đắm trên lãnh hải nước ta chở đầy gốm

sứ mậu dịch Việt Nam và Trung Quốc từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII đã được phát hiện và trục vớt. Cổ vật trên những con tàu này mang nhiều giá trị văn hóa, lịch sử, mỹ thuật cũng như kinh tế. Nhiều tài liệu, sách báo và bài viết nói về những bộ sưu tập gốm của nước ta ở nước ngoài được đánh giá cao từ các góc độ khác nhau. Chính vì vậy, gốm cổ Việt Nam lại được chú ý. Sự ra đời của Hội sưu tầm gốm và cổ vật Thăng Long đã góp phần tăng thêm giá trị cho gốm cổ Việt Nam và khẳng định vị trí trước những người nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu văn hóa, giới khảo cổ, những người sưu tầm và yêu thích gốm trong - ngoài nước.

**1.3.** Qua nhiều năm tác giả là người sưu tập và nghiên cứu đã đúc kết được nhiều vấn đề trong lĩnh vực hoạt động này và mong muốn được trình bày những nhận biết của mình với những người quan tâm đến gốm cổ ở nhiều góc độ, đặc biệt là công việc sưu tập với mục tiêu góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị của gốm cổ Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài: *Gốm cổ trong đời sống văn hoá Việt Nam*.

## **2. Lịch sử vấn đề**

Ở Việt Nam gốm là một nghề có từ hàng chục ngàn năm và đã trở thành một nghề truyền thống. Mặc dù nó ra đời từ rất sớm nhưng để có những công trình nghiên cứu về sự phát triển của gốm một cách hệ thống và hoàn chỉnh, nếu có thì cũng chỉ là những ghi chép lẻ tẻ về những hoạt động của nó có liên quan đến những việc khác.

Gần 30 năm trở lại đây chúng ta mới xuất hiện một số công trình nghiên cứu về gốm ở những góc độ khác nhau. Khởi đầu là những bài viết vào cuối những năm 1970 của tác giả Trần Khánh Chương với bài “Những yếu tố tạo vẻ đẹp của đồ gốm gia dụng thời Lý - Trần” đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu nghệ thuật*, số 3, tác giả Nguyễn Đình Chiến với bài “Đồ gốm sứ thời Trần – Lê Sơ mới phát

hiện ở Đa Tốn (Hà Nội)” trong kỷ yếu hội thảo *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, Viện Khảo cổ học, và tác giả Phạm Đại Doãn với bài “Từ một làng gốm miền Bắc”, *Thông báo Khoa học sử học*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Đây là những bài viết nhỏ nhìn từ góc độ gốm ở mảng mỹ thuật và khảo cổ học.

Cho đến đầu những năm 1990 cùng với những bài viết về gốm trên các tạp chí Văn hoá dân gian, tạp chí Văn hoá nghệ thuật, tạp chí Khảo cổ học và Thông báo khoa học cũng có những bài viết đề cập đến gốm Việt Nam như *Gốm Chu Đậu*, Bảo tàng Hải Dương phát hành năm 1993. *Gốm Bát Tràng từ thế kỷ XIV-XIX* do GS. Phan Huy Lê chủ biên phát hành năm 1995. Công trình *Cảm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV - XIX*, tác giả Nguyễn Đình Chiến do Bảo tàng Lịch sử Việt Nam phát hành năm 1999. Tiếp sau nữa là những công trình như *Gốm hoa lam Việt Nam* (2001), của tác giả Bùi Minh Chí, Kerry Nguyễn Long với *Gốm Việt Nam từ đất nung đến sứ* và tác giả Trần Khánh Chương (2001), *Gốm Việt Nam từ đất nung đến đất sứ*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội. Tiếp sau đó là những công trình như *Gốm hoa nâu Việt Nam, 2000 năm gốm Việt Nam* của hai tác giả Phạm Quốc Quân và Nguyễn Đình Chiến do Bảo tàng Lịch sử Việt Nam phát hành năm 2005. Đây là những công trình lớn nói về gốm Việt Nam. Cùng với những công trình này còn có nhiều bài viết nghiên cứu từ những góc độ mỹ thuật, lịch sử, khảo cổ học, bảo tàng như những tác giả Tống Trung Tín, Trần Anh Dũng, Hà Văn Cẩn, Trịnh Cao Tường, Chu Quang Trứ... Duy có học giả Vương Hồng Sển là phán ánh cổ vật từ góc độ sưu tập và những bài học kinh nghiệm nghiên cứu, tìm tòi của ông trong thời gian sưu tập về đồ sứ Trung Hoa.

Công việc nghiên cứu đối với nước ta còn rất mới mẻ, trong nhiều lĩnh vực không riêng gì lĩnh vực cổ vật - gốm sứ. Trong suốt

gần 30 năm tìm tòi, sưu tập và suy ngẫm chúng tôi mạnh dạn đưa ra những kết quả nghiên cứu của mình về vai trò của gốm cổ trong đời sống văn hoá được nhìn từ góc độ của người sưu tập với mục đích từ công trình này chúng tôi mong nhận được sự phản hồi ý kiến từ những nhà sưu tập, nhà khoa học quan tâm tới lĩnh vực này để hoạt động sưu tập cổ vật ngày một hiệu quả hơn.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

**3.1.** Dựa vào hệ thống hiện vật trong nhiều bộ sưu tập, qua thực tế khảo sát nhiều hiện vật ở những di chỉ khảo cổ, kết hợp với một số tài liệu trong và ngoài nước, với phương pháp quan sát từ chất liệu màu men, hình dáng, hoa văn và nhiều hiện tượng mang yếu tố văn hoá làm sáng tỏ đặc điểm của gốm cổ Việt Nam qua các thời kỳ (thế kỷ I - thế kỷ XX mà giới sưu tập đang tranh cãi.

**3.2.** Từ các triển lãm cá nhân, tập thể và thực tế được tiếp xúc với việc trao đổi, mua bán, “đấu giá”, sưu tập, hiến tặng và nghiên cứu. Từ sự khác nhau của những hoạt động trên chúng tôi nêu bật vai trò của gốm cổ trong nước ta trong đời sống văn hoá xã hội.

**3.3.** Hiện nay, gốm cổ nước ta đang nằm trong một thị trường ảo, vì thế trong luận án tiến sĩ này chúng tôi chỉ ra giá trị kinh tế của gốm để từ đó đưa ra những đề xuất góp phần bảo tồn, giới thiệu, phát huy gốm cổ Việt Nam ngày càng tốt hơn.

### **4. Đối tượng nghiên cứu**

**4.1.** Đối tượng nghiên cứu của luận án này bắt đầu từ một số bộ sưu tập lớn ở Hà Nội (số lượng nhiều, đa dạng về chủng loại, hoàn chỉnh về hình dáng và có chiều dài lịch sử), sau đó mở rộng đến một số tỉnh ở miền Bắc như Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa và một số tỉnh phía Nam như thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, Cà Mau... Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo những hiện vật từ những di chỉ khảo cổ đã và đang được khai quật cùng các hiện vật được trưng bày trong các bảo

tàng trong nước. Song song với công việc trên, chúng tôi còn quan sát thực tế sản xuất tại các làng nghề truyền thống như Bát Tràng, Phù Lãng, Đông Triều, Hương Canh, Lái Thiêu, Biên Hoà.

**4.2.** Luận án còn nêu ra những quan điểm từ các góc độ kỹ thuật, mỹ thuật, văn hoá, lịch sử của các nhà sưu tập về gốm cổ.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Từ góc độ văn hóa dân gian, qua hoạt động khảo sát điền dã, chúng tôi đã sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, phân loại, thống kê, miêu tả. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu với các hình vẽ, ảnh chụp các hiện vật để làm nổi bật sự giống và khác nhau giữa hình dáng hoa văn, màu men và tính năng sử dụng của từng loại qua từng thời kỳ lịch sử.

### **6. Nguồn tư liệu**

Luận án sử dụng những hiện vật ở nhiều sưu tập gốm cổ tại Hà Nội và các tỉnh lân cận, tham khảo tài liệu trong lĩnh vực lịch sử, khảo cổ, mỹ thuật, các công trình khoa học, công trình khảo sát, tham luận khoa học từ các hội nghị thuộc các chuyên ngành trên và nhất là tư liệu thu thập trên thực tế qua quá trình sưu tập.

### **7. Đóng góp của luận án**

- Đây là công trình chúng tôi đề cập về gốm cổ Việt Nam từ góc nhìn của người sưu tập trên những khía cạnh tạo hình, trang trí, phương pháp sản xuất, tính năng sử dụng của gốm cổ mà tác giả được biết.

- Nêu ra những đặc điểm riêng biệt của loại hoạt động này, một hoạt động đối với xã hội Việt Nam còn rất khác với những công trình khác.

- Đây là công trình chúng tôi đề cập tới gốm cổ Việt Nam từ góc nhìn của người sưu tập, ở những khía cạnh tạo hình trang trí mỹ thuật, phương pháp sản xuất tính năng sử dụng của gốm cổ dựa vào

đó để phân ra từng giai đoạn khác nhau. Từ những yếu tố đó chúng tôi nêu bật giá trị kinh tế, lịch sử và đặc biệt là những giá trị văn hoá của gốm cổ để dân chúng có ý thức ứng xử với cổ vật gốm một cách đúng đắn, đồng thời trả lại vị trí đích thực của gốm cổ trong đời sống văn hoá.

## **8. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục luận án được chia làm ba chương như sau:

**Chương 1:** Tổng quan về tình hình sưu tập gốm cổ ở Việt Nam.

**Chương 2:** Văn hoá Việt Nam qua bộ sưu tập gốm cổ.

**Chương 3:** Nhận thức và kiến nghị về việc sưu tập và phát huy giá trị của gốm cổ Việt Nam.

## **Chương 1**

### **TÌNH HÌNH SƯU TẬP GỐM CỔ Ở VIỆT NAM**

#### **1.1. Những nhận biết về gốm**

Gốm là loại sản phẩm ra đời từ rất sớm trong lịch sử. Ở nước ta, sản xuất gốm là một nghề có từ lâu đời. Trong từng thời kỳ lịch sử, gốm cũng mang những dấu ấn riêng biệt thông qua hình dáng, kỹ thuật và hoa văn của nó.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, nó đã chiếm được sự mến mộ của nhiều người trên thế giới từ rất sớm và để lại những dấu ấn về sự phát triển thông qua các yếu tố kỹ thuật và mỹ thuật cùng những quan niệm về vũ trụ cũng như con người trên những sản phẩm của nó.

Nguyên liệu chủ yếu sản để sản xuất gốm là đất sét. Đây là một loại chất liệu được tạo ra trong quá trình biến động của trái đất. Đất sét có rất nhiều loại khác nhau. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng, màu sắc và độ bền của sản phẩm.



Việc phát hiện ra men bắt đầu trong sự vô tình trong quá trình sản xuất gốm. Những chất liệu này hoàn toàn lấy từ tự nhiên, sau được dân gian đúc kết thành những kinh nghiệm được áp dụng ở nhiều làng nghề sản xuất gốm.

Lò nung là một yếu tố quan trọng trong việc sản xuất gốm. Có hai loại lò chủ yếu: lò cóc (loại lò nhỏ), lò bầu-rồng (loại lò lớn). Ngoài ra, sản xuất gốm còn có những dụng cụ như: con kê bao nung, cối và bàn xoay và khuôn in hoa văn.

## **1.2. Những vẻ đẹp tiềm ẩn của gốm cổ Việt Nam**

Sự mến mộ của thế giới đối với gốm Việt Nam đã có từ lâu. Qua sử liệu, chúng ta được biết nhiều sản phẩm gốm của Việt Nam phải mang cống cho triều đình Trung Quốc, mà quốc gia này có một nền sản xuất gốm mang tính truyền thống và kỹ thuật rất cao.

Qua các Hội nghị thông báo Khảo cổ học chúng ta thấy không chỉ ở Nhật Bản và một số nước trong vùng Đông Nam Á, người ta đã phát hiện sự có mặt của gốm Việt Nam ở nhiều di chỉ. Chiếc bình gốm của Việt Nam có niên đại từ thế kỷ XV Tại Thổ Nhĩ Kỳ là một ví dụ.

Năm 1997, khi cuốn sách *Vietnam Ceramics* của hai tác giả là Stevenson J.S và Guy J. thống kê cho thấy trên toàn thế giới có 55 bảo tàng đã sưu tầm, thu thập, tàng trữ gốm cổ Việt Nam với một số lượng lớn. Thực ra, đây cũng chưa phải là con số thống kê đầy đủ.

### ***Sự giao thoa văn hoá Việt Trung qua gốm Ký Kiểu***

Sau thế kỷ XVIII, các vua chúa Việt Nam đã tìm đến vẻ đẹp hào nhoáng và hoàn chỉnh tuyệt đối về hình thức cũng như kỹ thuật của đồ sứ Trung Hoa. Nhưng không phải là họ mua sản phẩm sứ làm sẵn mà họ đặt thợ Trung Quốc làm những đồ dùng bằng sứ theo mẫu riêng của họ. Những sản phẩm đó sau này được các nhà sưu tập gọi là đồ ký kiểu hay còn gọi là đồ sứ men lam Huế. Việc đặt đồ ký kiểu

của Vua Chúa và quan lại Việt Nam tại Trung Quốc đã tạo ra một loại sản phẩm vô cùng độc đáo của hai nền văn hóa Việt - Hoa. Việc làm này kéo dài 3 thế kỷ, bắt đầu 1740 đến 1923 thì chấm dứt.

### **1.3. Tình hình sưu tập gốm cổ ở Việt Nam**

Vào đầu thế kỷ XX, các thành phần thuộc con dòng cháu giống muốn tìm lại một thời kỳ vàng son của cha ông bằng cách tìm kiếm, gìn giữ những hiện vật của người đi trước để lại (trong đó có những cổ vật). Cùng tầng lớp thương gia, tư sản mới xuất hiện cũng tìm đến thú chơi vương giả này. Lớp người sưu tầm này phần đông là giàu có trong xã hội. Ngay từ đầu, số lượng người chơi cổ vật đã phát triển rất nhanh ở các thành phố lớn.

Sau năm 1945, cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã đem của cải của giai cấp thống trị trong xã hội cũ chia cho nhân dân. Cổ vật cũng được mang ra chia cho mọi người để đưa vào sử dụng trong sinh hoạt. Sự hao hụt gốm cổ trong các bộ sưu tập còn phải kể đến gần 10 năm tàn phá của bom đạn Mỹ trên miền Bắc. Tiếp đó, sau năm 1975, quá trình ổn định kinh tế sau chiến tranh, đi liền với một loạt các hoạt động nhằm đẩy mạnh kinh tế cổ vật được coi là tài sản không có nguồn gốc, xuất xứ, bất minh và bị thu giữ rồi đưa về tập trung với số lượng lớn. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự phá sản các bộ sưu tập tư nhân tại Hà Nội và một số tỉnh thành phố. Giữa những năm 80 của thế kỷ XX, việc phát hiện các khu vực chôn cất cổ vật ở nhiều tỉnh trên cả nước đã thu hút sự chú ý của nhiều người quan tâm tới lĩnh vực này dẫn đến một lớp người sưu tập mới xuất hiện. Lớp người này đã nhanh chóng tạo dựng cho mình những bộ sưu tập cá nhân hoàn chỉnh trong 20 năm, riêng Hà Nội đã có hơn 400 nhà sưu tập lớn nhỏ trong đó có tới khoảng 85% là sưu tập gốm. Trước tình hình đó, chính phủ đã ban hành nghị định 90 với nội dung chủ trương của Đảng và nhà nước xã hội hóa hoạt động trên ba lĩnh vực y tế,

giáo dục và văn hóa. Ngày 26 tháng 6 năm 1999 hội của những người yêu thích sưu tầm cổ vật ra đời mang tên “Hội sưu tầm nghiên cứu gốm và cổ vật Thăng Long”.

#### **1.4. Những chủng loại thường gặp trong các bộ sưu tập gốm cổ**

Gốm thời kỳ Bắc thuộc thường là những hiện vật như hũ, bình, ghè, nồi ba chân, ấm, chân đèn, nậm rượu, và đỉnh trầm. Gốm thời kỳ Lý - Trần với những hiện vật thạp, ấm, âu, bát, đĩa, chum, chậu. Gốm thời kỳ Lê - Mạc và Lê Trung Hưng với những hiện vật chum lớn, bình tỷ bà, đĩa lớn, cốc, tách, đặc biệt là những cặp chân đèn có kích thước lớn. Gốm Nguyễn - gốm Bát Tràng đã xuất hiện những sản phẩm là tượng tròn, chum, chốe, lọ đôi, đỉnh hương, lư hương, lọ hoa, chân đèn, nai rượu, tượng thú, tượng người.

#### **1.5. Quá trình tiếp cận với gốm cổ của tác giả luận án**

##### ***1.5.1. Lý do tiếp cận***

Lớn lên trong một gia yêu thích gốm cổ, qua những thay đổi về thời gian, bộ sưu tập cổ vật của ông bà cũng dần dần ra đi. Mỗi khi nhìn thấy những kỷ vật của ông bà còn sót lại đã thôi thúc khát vọng phục hồi cổ vật của gia đình. Công việc đầu tiên trong việc sưu tập là thu gom những cổ vật còn sót lại trong dòng họ. Sau ba năm, bộ sưu tập đã có hai mươi hiện vật các chủng loại, nhưng tất cả đều là sứ. Năm 1987, tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình, tác giả đã mua được chín chiếc bát gốm đầu tiên có niên đại sản xuất từ thế kỷ XII. Sau khi có được những chiếc bát này, chúng tôi đã chuyển từ sưu tập sứ sang sưu tập gốm.

##### ***1.5.2. Những thói quen tâm lý của người sưu tập***

Trong lĩnh vực sưu tập các nhà sưu tập thường thích ngắm nhìn, nâng niu những món đồ, rồi sau đó như bị ma lực cuốn đi, ngày nào cũng phải được nhìn, được ngắm, được sờ thấy cổ vật. Sau đó, họ lao vào tìm sách, tài liệu để đọc, để đối chiếu với những hiện vật đã

mua, và tìm người cùng sở thích để tranh luận, để bàn bạc, để học hỏi, v.v... Và họ chỉ thực sự trưởng thành khi va chạm quá nhiều với cổ vật.

## **Chương 2**

### **VĂN HOÁ VIỆT NAM QUA BỘ SƯU TẬP GÓM CỔ**

Từ khi những sản phẩm gốm mang nhiều yếu tố mỹ thuật và kỹ thuật (rõ rệt nhất là bắt đầu từ cuối thời kỳ Đông Sơn) cho đến nay, trong một khoảng thời gian dài hơn 2000 năm, chúng tôi từ góc độ của những người sưu tập, dựa trên những yếu tố hình dáng, màu men, hoa văn, những yếu tố kỹ thuật và phương pháp tạo hình tạm thời chia gốm thành những giai đoạn như sau:

#### **2.1. Gốm thời kỳ Bắc thuộc (thế kỷ I - IX)**

Gốm Bắc thuộc còn được gọi là gốm Hán Việt. Loại hiện vật này phần lớn tìm thấy trong các khu mộ hoặc quần thể mộ. Bởi vì là gốm tùy táng, các sản phẩm này không thấy dấu vết của việc sử dụng. Đường nét gọn, sắc, những điểm nổi gấn không có biểu hiện rạn nứt, vỡ, hoặc bị tác động khi sử dụng. Điều này đã dẫn đến sự khẳng định loại gốm này sản xuất ra chỉ để phục vụ cho việc tùy táng như đồ hàng mã giấy ngày nay.

Dựa vào những yếu tố như chất liệu, hình dáng, hoa văn, màu men và những yếu tố kỹ thuật khác, chúng tôi phân chia gốm Bắc thuộc làm hai giai đoạn chủ yếu: giai đoạn một từ trước công nguyên cho đến cuối thế kỷ VI sau công nguyên: gốm giai đoạn này có những đặc điểm như: hình dáng thấp, men mỏng, nhiều lỗi sản xuất nhưng tạo hình rất cầu kỳ; gốm giai đoạn thứ hai từ cuối thế kỷ VI đến cuối thế kỷ IX sau công nguyên: đường nét sắc sảo, rõ ràng, men

dây, bóng và dàn đều. Đề tài trang trí đã xuất hiện, tạo hình giai đoạn này không phong phú và đa dạng như giai đoạn đầu. Vì nằm trong các khu mộ chắc chắn, nên những hiện vật này được bảo vệ một cách an toàn với hình thức hoàn chỉnh.

## **2.2. Gốm thời kỳ Lý - Trần (thế kỷ XI - XIV)**

Gốm Lý - Trần có thể được coi là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của gốm phong kiến Việt Nam.

Chất liệu đầu tiên chúng tôi đề cập tới đó là đất nung (gạch). Người ta hiểu đó là những sản phẩm có màu hồng, được làm từ đất sét có độ kết dính nhưng thô (còn nhiều tạp chất ở bên trong). Những sản phẩm này sản xuất ra để phục vụ cho xây dựng.

Sành nâu, tên gọi của chất liệu gốm thời kỳ này có độ bền hơn đất nung. Không men, nhưng có một lớp áo phủ đen bóng như đồng. Sành cũng là chất liệu được sử dụng nhiều trong sinh hoạt. Đặc biệt là đồ sành kỹ thuật (có tạo hình và họa tiết đẹp) thì thường được tìm thấy trong các vùng có dân tộc Mường sinh sống.

Thời kỳ Lý-Trần, gốm men xuất hiện với nhiều màu sắc và chất liệu khác nhau. Men ngọc là một loại men có màu xanh hồ thủy, lấy từ tro cây dâu, ra đời từ tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Sau một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan và Việt Nam cũng sản xuất nhiều sản phẩm mang màu men này.

Men nâu được các nghệ nhân lấy chất liệu từ một loại đá mà họ quen gọi là đá thối để chế tạo ra màu men nâu. Đá này có chứa oxít sắt, khi sử dụng được các nghệ nhân nghiền ra để làm men. Nhưng thường màu men này chỉ sử dụng cho việc trang trí.

Đặc biệt trong thời kỳ này, nổi bật nhất là gốm men trắng ngà được trang trí hoa nâu. Nó đã khẳng định mình trong sự khỏe khoắn, âm áp của màu sắc, thông qua những đường nét, đề tài trang trí.

“Gốm hoa nâu” là một loại sản phẩm đại diện tiêu biểu cho “văn hoá bản địa” và được sản xuất với số lượng nhiều trong thời kỳ này.

Men trắng hoa lam mờ xuất hiện ở giai đoạn cuối thời Trần với những chủng loại bát, đĩa, âu, ấm.

Các sản phẩm này đều được trang trí theo những mô típ giống nhau có thể là bông hoa cúc bốn cánh, hay là hình cành lá như bị gió thổi tạt về một phía.

### **2.3. Gốm thời kỳ Lê - Mạc và Lê Trung Hưng (thế kỷ XV-XVII)**

Gốm thời này đã đánh dấu một bước phát triển đột biến với hai yếu tố đó là mỹ thuật và kỹ thuật. Gốm Việt Nam đã hình thành quan hệ mậu dịch giữa Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

Chúng tôi được biết chính sách nhà Minh đã làm ảnh hưởng đến nhiều mặt, trong đó có ngoại thương. Nhiều thợ gốm đã chạy sang Việt Nam, kết hợp với người dân bản xứ và tiếp tục công việc của mình.

Đối với gốm Lê – Mạc và Lê Trung Hưng thì những sản phẩm vừa và nhỏ bao giờ cũng có nước men trắng, cốt mỏng và mịn hơn gốm Lý – Trần, nhất là những hiện vật gốm được tìm thấy ở tàu đắm cổ Hội An.

#### ***Sự khác nhau cơ bản của gốm thời kỳ Lý - Trần và gốm thời kỳ Lê - Mạc và Lê Trung Hưng***

Chất liệu trong thời kỳ Lý - Trần xương gốm không mịn xốp, thấm nước nhanh do chất lượng và nguyên liệu sản xuất ra xương gốm chưa cao vì kỹ thuật luyện lọc đất chưa đạt đến tiêu chuẩn cho phép.

Thời kỳ Lê – Mạc, quá trình chế biến nguyên liệu, xương gốm có độ mịn, độ kết dính cao xương gốm cứng với nước men xanh trắng rất bóng kết hợp với nhiều phương pháp tạo hình, các đề tài trang trí cũng thay đổi do bối cảnh lịch sử đưa lại.

#### **2.4. Gốm Ký Kiểu (thế kỷ XVIII - XX)**

Gốm (sứ) ký kiểu là loại gốm không phải được sản xuất tại Việt Nam. Đây là một loại hàng hóa được các vua chúa Việt Nam đặt làm tại Trung Hoa. Trong công trình này chúng tôi cũng trình bày sự xuất hiện của nó như một hiện tượng mang tính lịch sử.

Đề tài được lặp đi lặp lại đó là hình long - phụng châu nhật, long-lân khánh thọ, long-mã giỡn sóng với lối vẽ rất tỉ mỉ, kỹ càng thể hiện sự điêu luyện, đặc biệt sắc độ của màu lam được bóc tách rõ ràng. Nó là kết quả của sự sáng tạo và phối hợp thực hiện của hai dòng văn hóa Việt - Hoa.

#### **2.5. Gốm Nguyễn - Gốm Bát Tràng (thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX)**

Bát Tràng là một làng cổ ở Hà Nội có nghề làm gốm từ lâu đời. Từ khi ra đời, Bát Tràng đã tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ sinh hoạt hằng ngày. Đối ngoại (sản xuất đồ công tiến) và xuất khẩu sang nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Đến thế kỷ XVI (cuối thời Mạc), gốm Bát Tràng phát triển cùng với những trung tâm sản xuất gốm khác như Chu Đậu, Mĩ Xá, Cây, Phù Lãng - Bát Tràng đã làm nổi bật diện mạo mới cho mình.

##### ***Hình dáng và các thủ pháp tạo hình***

Trong thời kỳ đầu, sản phẩm gốm Bát Tràng có dáng đơn giản thông qua các hiện vật như chậu, chân đèn, bình, bát, đĩa trang trí hình bán nguyệt, hình cầu, hình trụ, hình tròn.

Từ thế kỷ XV trở đi, nhiều phương pháp trang trí được vận dụng một cách triệt để mà hình ảnh và đề tài trang trí cũng phức tạp hơn.

##### ***Những đề tài trang trí Trung Hoa trên gốm Bát Tràng***

Thông qua những sản phẩm gốm Bát Tràng từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX cho thấy phần lớn những sản phẩm này chịu ảnh hưởng của gốm Trung Hoa về mặt tạo hình, men và đề tài trang trí. Những hiện vật được trang trí những đề tài đồng chất liệu và tư tưởng

Trung Hoa như: bát tiên quá hải, bát tiên ky thú, bát tiên du xuân, hà đồ lạc thư, bát quái, tùng lộc, hải đường chim công, vv... Tích *Tô Vũ chẵn dê*, tích *Trúc lâm thất hiền*, tích *Lã Vọng câu cá*, tích *Quan Công Võ Thánh*, tích *Ngư ông đắc lợi*, tích *Trúc – mai*, tùng - hạc.

### Chương 3

## NHẬN THỨC VÀ KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC SƯU TẬP VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA GÓM CỔ VIỆT NAM

### 3.1. Gốm trong đời sống văn hoá xã hội

#### 3.1.1. Gốm điều chỉnh hành vi con người

Người thợ gốm quan niệm gốm có yếu tố tâm linh nên trước khi đốt lò người nghệ nhân xưa phải cầu cúng để thần linh phù hộ cho mẻ gốm của họ trở thành những sản phẩm đẹp. Để phục vụ cho ẩm thực, người thợ gốm đã tạo ra nhiều sản phẩm thể hiện được vẻ đẹp thẩm mỹ của gốm và sự tài hoa của người chế biến món ăn. Trong xây dựng, gốm đã tạo nên những vẻ đẹp độc đáo riêng của mỗi công trình. Trải qua thời gian, gốm với nhiều giá trị của nó đã trở thành cổ vật để cho bất cứ ai tiếp cận, tìm hiểu về nó đều có thái độ, hành vi, cử chỉ trân trọng nó.

#### 3.1.2. Những ý kiến về gốm thời kỳ Bắc thuộc

Qua nhiều năm sưu tập và nghiên cứu gốm Việt Nam chúng tôi thấy hiện tượng đọng men trên sản phẩm. Nguyên nhân là do men bám trên trần lò dày, khi gặp nhiệt sẽ chảy xuống các sản phẩm gốm.

Gốm tuy táng giai đoạn đầu vì không sử dụng bao nung nên men chảy dễ dàng rơi bám vào từ vai đến giữa thân sản phẩm, trường hợp này chỉ xảy ra với những lò đã đốt nhiều lần.

Còn hiện tượng men chảy thành dòng, tạo thành sọc dựa trên sản phẩm gốm nguyên nhân là: khi nhiệt độ lên cao, men chảy



khuếch tán dần đều trên những sản phẩm đầu và giữa lò. Những sản phẩm ở cuối lò men đang chảy thì nhiệt độ trong lò giảm, bởi vậy men giữ nguyên ở trạng thái đang chảy tạo thành những lớp men rớt xuống như mưa hoặc tạo thành những sọc dưa trên sản phẩm.

Hai hiện tượng trên đều được chúng tôi phát hiện qua quá trình quan sát và thực tiễn sản xuất tại những làng gốm cổ truyền như Bát Tràng (Hà Nội), Phú Lãm (Bắc Ninh), Đông Triều (Quảng Ninh), Biên Hòa (Bình Dương), Lái Thiêu (Đồng Nai).

### **3.1.3. Những ý kiến về gốm thời kỳ Lý - Trần**

Nhiều nhà sưu tập và một số nhà nghiên cứu cho rằng đến thế kỷ thứ XV, thì bút lông (dụng cụ) và màu lam mới được đưa vào phục vụ cho việc trang trí gốm. Quan sát một số hiện vật thế kỷ cuối XIV, kể cả khi sờ tay vào những hiện vật được trang trí màu nâu chúng tôi thấy trơn và nhẵn bóng, không sần thô như những sản phẩm được trang trí nâu giai đoạn đầu và gần cuối. Hiện tượng này không phải là phổ biến nhưng đã cho chúng ta biết được rằng các nghệ nhân lúc này tìm một phương pháp khác đem lại hiệu quả tốt hơn trong việc trang trí. Họ đã đưa bút lông và màu lam (rỉ sắt) vào trang trí và bút lông là công cụ thể hiện. Với lối vẽ phóng bút, sau đó mới tráng men, bởi vậy những đường trang trí nâu mềm hơn, mỏng hơn và bóng hơn. Vẽ dưới men với lối vẽ phóng bút thì bút lông và màu nước đã được đưa vào việc sản xuất gốm từ cuối thời Lý - Trần (thế kỷ XIII - XIV).

Khi tổng kết các đồ sành trong giai đoạn Lý - Trần, chúng ta thường xuyên bắt gặp những đường chỉ đắp nổi trên vai những chum có kích thước vừa và lớn được một số các nhà sưu tập gọi là giun. Sau khi so sánh, xem xét, và đối chiếu với những họa tiết trang trí tương tự như sen hóa long, cúc hóa long, thị hóa long trên nhiều thập Lý và Trần, chúng tôi đưa ra ý kiến của mình là hình rồng được ước

lệ trên chất liệu sành, hoà vào trang trí sóng nước và cá chép mà thôi (còn giun thì không thấy xuất hiện trên bất cứ đề tài trang trí nào, dù là trang trí dân gian). Âu được sản xuất rất nhiều ở giai đoạn từ thế kỷ XII đến cuối thế kỷ XIV. Âu có nhiều hình dạng khác nhau. Qua hình dáng và kích thước, chúng tôi có thể khẳng định rằng âu không chỉ là dùng để đựng đồ ăn mà còn để sử dụng vào việc đo lường thóc, gạo, đậu, lạc ở những vùng nông thôn.

### **3.1.3. Những ý kiến về gốm thời kỳ Lê - Mạc và Lê Trung Hưng**

Qua những sản phẩm gốm hoa lam thời Lê - Mạc đặc biệt là những hiện vật gốm trên con tàu trực vớt tại Hội An, chúng tôi nhận thấy sự khác nhau từ những đường nét và trang trí trên những sản phẩm gốm này. Một là đường nét nhỏ, thanh thoát, màu lam được phân định rõ ràng với ba sắc độ lam mà trong giới hội họa và sưu tập gọi là “tam lam”, không thấy mực đọng dày ở cuối nét vẽ, điểm tô nhấn đậm nhạt rõ ràng trên những đề tài. Còn một nét bút khác thường dày hơn, mực đậm ở đầu hoặc cuối nét vẽ, đôi khi còn có những đường nét được tô lại cho đậm. Sắc độ không phân định, không làm nổi bật được ba sắc lam trên một đề tài trang trí. Đôi khi còn thấy nét bút bị nhòe hoặc tô lại. Những hiện tượng này nói lên rằng ở đây có hai dòng thợ chịu trách nhiệm trang trí.

### **3.1.4. Những ý kiến về gốm Ký Kiểu và gốm Bát Tràng thời Nguyễn**

Đồ men lam Huế (Ký Kiểu) có một loại hiện vật rất ít gặp mà nhiều nhà sưu tập gọi là “ấm con rùa” với cách tạo hình hơi lạ. Sau khi quan sát và tổng kết các loại ấm mà chúng tôi thấy hiện vật này vôi hình chữ nhật mà quá lớn so với tỷ lệ của ấm, không phù hợp cho việc rót nước vào chén, kể cả cốc lớn. Tìm một số người chơi cổ vật lâu năm, những nghệ nhân sản xuất gốm và nhiều người làm Đông y để xác định, thắc mắc cũng đã được giải đáp. Đây là bộ dùng cho nam giới trong phòng kín. Điều này chỉ được các tầng lớp trên trong

xã hội áp dụng trong sinh hoạt, mà các quan lại đặt hàng phục vụ cho sinh hoạt của mình.

Giai đoạn này, trong khi quan lại Việt Nam chú ý đặt hàng Ký Kiều từ Trung Hoa (chất liệu, kỹ thuật của Trung Hoa nhưng phong cách thể hiện của người Việt) thì gốm Bát Tràng tuy có ảnh hưởng nhiều yếu tố của gốm Trung Hoa về đề tài và hình dáng nhưng đã mang mình văn ghi rõ ngày tháng năm và họ tên người sản xuất cũng như người đặt hàng. Đây là điều khác với gốm Trung Hoa. Điều này đã giúp cho các nhà nghiên cứu trong việc nghiên cứu sự phát triển của lịch sử Việt Nam. Hiện thực này nó đã phản ánh sự tiếp nhận những yếu tố từ bên ngoài hòa quyện với văn hóa bản địa một cách nhuần nhuyễn. Trong lĩnh vực văn hóa dân gian, người ta đã dùng thuật ngữ “tiếp biến và đổi mới”.

### **3.2. Yếu tố dân gian trong phương pháp trang trí**

Qua hình ảnh người được thể hiện trên sản phẩm gốm với những trạng thái hoạt động như nhảy múa, tập võ, thuần dưỡng thú, săn bắn,... thì cảm giác đầu tiên là sự ngây ngô.

Những đường vẽ, tô vạch diễn đạt sự khó khăn khi thể hiện. Và một vấn đề quan trọng mà ai cũng nhận thấy là tỷ lệ giữa các bộ phận trên cơ thể không cân đối. Đây là phương pháp trang trí của nghệ nhân dân gian không chú ý kỹ thuật về giải phẫu. Chính vì thế đề tài trang trí người cũng ít hơn rất nhiều lần so với những đề tài khác.

### **3.3. Các góc độ liên quan đến hoạt động gốm cổ**

#### **3.3.1. Từ góc độ quản lý hành chính**

Mặc dù đã có Nghị định của Chính phủ và luật di sản văn hóa ra đời, nhưng vẫn có sự bất giữ những người sưu tập và sưu tầm diễn ra ở một số tỉnh như Nghệ An, Ninh Bình và Yên Bái. Thông qua những sự việc trên, chúng tôi thấy không chỉ trong lĩnh vực cổ vật mà kể cả một số lĩnh vực khác, vấn đề phổ biến các thông tư, nghị định

và kể cả luật thiếu tính đồng bộ. Các cán bộ không nắm chắc những văn bản cần thiết trong lĩnh vực hoạt động của mình, chính vì vậy đã dẫn đến sự xử lý tùy tiện, cảm tính, đôi khi rơi vào tình trạng cục bộ địa phương (phép vua thua lệ làng).

Những sự việc chúng tôi vừa trình bày ở trên mới chỉ là một phần nhỏ và chưa đầy đủ nhưng nó đã phản ánh một thực tế chỉ đạo và năng lực từ góc độ các nhà quản lý trong lĩnh vực này. Sự thể đó đã làm nổi rõ mấy vấn đề sau:

- Sự quản lý từ Trung Ương đến các địa phương chưa đồng bộ.
- Chưa có những chỉ đạo cụ thể và chi tiết một cách khoa học cho người thi hành công vụ và quản lý trong lĩnh vực này.
- Cán bộ trực tiếp thi hành công vụ kiểm tra, kiểm soát, giám định không có chuyên môn sâu.
- Cán bộ chuyên trách xử lý tùy tiện nên những vụ việc bất bớ, thu giữ vẫn thường xảy ra ở các tỉnh, thành phố.

Đằng sau những sự việc này nó còn thể hiện sức mạnh cần thiết của Luật đối với một số cơ quan hành pháp ở nước ta.

### **3.3.2. Từ góc độ đào tạo**

Những năm gần đây, do nhu cầu xã hội, Khoa Bảo tàng, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã kết hợp với một số cơ quan chức năng mở những lớp chuyên đề, lớp ngắn hạn lấy tên là “Quản lý cổ vật”. Đối tượng của những lớp này gồm những cán bộ ngành hải quan, công an văn hóa, cán bộ quản lý văn hóa, cán bộ các bảo tàng và hội viên các hội cổ vật... Trong chương trình học, ngoài một số chủ trương, chính sách pháp luật phục vụ cho việc quản lý thì học viên còn được học về cổ vật Việt Nam và phương pháp nhận biết. Tham gia trực tiếp giảng dạy những lớp này gồm nhiều giáo sư, tiến sĩ và chuyên gia trong lĩnh vực khảo cổ, bảo tàng, mỹ thuật và kể cả văn hóa dân gian... Với nội dung giảng dạy và những đối tượng trên

thực chất không đáp ứng được nhu cầu của học viên do phương pháp cũ, chương trình dàn trải, thời gian quá ngắn so với nhu cầu.

Theo chúng tôi, để đáp ứng trong tình hình mới, ngoài nhiệm vụ bảo quản, trưng bày, kiểm kê, tuyên truyền, nghiên cứu, bảo tàng còn có chức năng như sưu tầm, tu bổ và hợp tác đào tạo chuyên sâu về giám định. Chỉ có như vậy mới có thể đáp ứng một cách thiết thực và có hiệu quả cho xã hội hôm nay. Dựa trên thực trạng đó, khoa bảo tồn bảo tàng có thể đổi tên thành khoa quản lý di sản để cho phù hợp với công việc và chức năng của nó.

### **3.4. Kiến nghị về bảo tồn và phát huy giá trị gốm cổ Việt Nam**

#### **3.4.1. Sự hình thành thị trường**

Thị trường bao giờ cũng khởi nguồn từ những nhu cầu của người dân đối với một chủng loại hàng hóa. So với thế giới, thị trường cổ vật Việt Nam còn quá trẻ, tuy nhiên, nó cũng trải qua những giai đoạn lịch sử đáng nhớ.

Đã từ lâu vào dịp xuân bắt đầu từ 23 tháng chạp cứ đến khi chợ hoa xuân mở ra là đồ cổ cũng được bày bán cùng hoa xuân trong những dịp này tại phố Hàng Khoai, Hàng Mã, trên lề đường với đủ các thể loại và chất liệu khác nhau. Cũng vào thời điểm này tại Nam Định, chợ Viềng - chợ cầu may đầu năm cũng được mở ra, 1 năm có 1 ngày đó là ngày mùng 8 tháng giêng âm lịch. Hoạt động này đã thu hút nhiều nhà sưu tập, buôn bán và yêu thích gốm cổ ở khắp nơi đến đây giao lưu trao đổi và họ dần quen biết nhau tại đây. Hoạt động của thị trường này mang tính tự phát, manh mún nhỏ lẻ và đôi khi thiếu lành mạnh.

#### **3.4.2. Các trung tâm thu gom**

Sau những cuộc kiểm tra hành chính năm 1975, lớn nhất là chiến dịch Z30 vào năm 1983 ngoài tài sản có giá trị kinh tế thì cổ vật cũng bị thu giữ. Từ thực tế này, nhiều chủ nhân của nó đã tìm

cách cho những cổ vật mà mình yêu quý ra đi khỏi nhà qua một tầng lớp trung gian...

Kim Liên vào những năm 1975 được coi như vùng ven đô, cuối đường Nam Bộ (nay là đường Lê Duẩn) đã mọc lên những căn nhà nhỏ của nhiều người từ các tỉnh xuất thân từ thợ chạy (sưu tầm) về cư ngụ tại đây và sau đó nó trở thành những điểm thu mua gom và trung tâm buôn bán cổ vật của Hà Nội.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, nhiều người Bắc đã có sự hiểu biết về lĩnh vực cổ vật. Sau nhiều lần khảo sát, thấy làm ăn dễ dàng, họ đã kết hợp với những người dân ở đây tạo ra những trung tâm buôn bán cổ vật như Đồng Khởi, Cách mạng tháng Tám, đặc biệt là Lê Công Kiều - một phố nhỏ nằm trong trung tâm thành phố. Cho đến nay, trung tâm này vẫn hoạt động bình thường và có nhiều người Bắc vào sau năm 1985 làm ăn tại đây.

### ***3.4.3. Việc làm gốm giả cổ và phương pháp phân biệt***

Gốm là một chất liệu được làm nhái, làm giả nhiều nhất. Gần đây việc làm gốm giả cổ để đáp ứng cho thị trường là vấn đề hết sức phổ biến. Gốm giả cổ có thể được đặt tại làng nghề truyền thống, cũng có thể được đặt tại một lò riêng nào đó trong thành phố. Với kỹ thuật như ngày nay nhiều sản phẩm làm nhái có thể đạt tới 95% và nhiều sản phẩm có thể đạt tới 98%, nhất là những loại được đặt ở Trung Hoa.

Từ những kinh nghiệm qua quá trình sưu tập và nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy để tránh nhầm lẫn, muốn xác định một cổ vật gốm, chúng ta không chỉ dựa vào một vài yếu tố sách vở, hoa văn hoặc của gia đình một người nào đó để lại, mà chúng ta phải dựa vào rất nhiều yếu tố hình dáng, hoa văn, chất liệu, những dấu vết sản xuất, nơi tìm được và được chôn cùng với những cái gì, đối chiếu với

sách, xem xét những yếu tố về lịch sử (tài liệu lịch sử), thời gian động trên cổ vật.

#### **3.4.4. Những đối tượng tiếp cận gốm cổ**

*Người sưu tập*

*Người sưu tầm*

*Người buôn bán, thu gom gốm cổ*

*Người quản lý*

#### **3.4.5. Một số đề xuất cụ thể**

Để tăng cường quản lý cổ vật tốt hơn, đặc biệt là gốm, chúng tôi mạnh dạn đưa ra ý kiến riêng của mình để góp phần giới thiệu, phát huy và bảo tồn gìn giữ những cổ vật, di sản văn hóa Việt Nam ngày càng tốt hơn.

1) Phổ biến Luật Di sản văn hóa cùng với những văn bản dưới luật và những nghị định có liên quan đến các cơ quan chức năng một cách đồng bộ.

2) Nhà nước nên tạo điều kiện, chính sách đối với các tổ chức, hội sưu tập cổ vật và kết hợp với các tổ chức này mở những trung tâm trưng bày, triển lãm những bộ sưu tập của tập thể, cá nhân để từ đó nhà nước có thể nắm vững được những cổ vật đẹp, quý, hiếm đang nằm trong các bộ sưu tập cá nhân.

3) Tham khảo ý kiến các nhà quản lý, các nhà chuyên môn trong và ngoài nước để định ra tiêu chí về tài sản quốc gia, cổ vật quý hiếm, cổ vật cần lưu giữ để phổ biến trong nhân dân.

4) Thành lập công ty thương mại kinh doanh và giám định cổ vật, hoạt động theo pháp luật hiện hành.

5) Áp dụng công nghệ thông tin kết hợp với khoa học hình sự và việc quản lý cổ vật ở các khu di tích, của tập thể và cá nhân, bảo hiểm và ký gửi cổ vật.

6) Có những quy định chi tiết về việc làm đồ giả cổ. Xử lý thích đáng đối với những tập thể, cá nhân cố tình xâm phạm những di tích, trộm cắp gốm cổ, cố tình làm đồ giả cổ, kể cả những phần tử tiếp tay cho những hành động này.

7) Khen thưởng kịp thời bằng kinh tế đối với những tập thể, cá nhân phát hiện, bảo vệ và gìn giữ có hiệu quả đối với cổ vật.

8) Ký kết các hiệp định, công ước quốc tế về việc bảo vệ, gìn giữ, trao đổi, giao lưu văn hóa trong đó có cổ vật.

## KẾT LUẬN

Gốm cổ là một loại sản phẩm mang yếu tố công nghệ ra đời từ rất sớm trong xã hội để phục vụ cho con người. Ở nó đã kết tinh nhiều giá trị tinh thần cũng như vật chất. Trải qua thời gian dài những sản phẩm gốm mang đậm yếu tố nghệ thuật đã trở thành những cổ vật quý giá của xã hội.

Từ xa xưa, khi con người bắt đầu sản xuất gốm để phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử gốm đã mang thêm nhiều giá trị khác như giá trị văn hoá, giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật và giá trị kinh tế.

Theo các nhà nghiên cứu, ở Việt Nam, gốm đã ra đời hơn 10.000 năm. Những sản phẩm gốm mang trên mình không chỉ là giá trị sử dụng mà nó còn mang yếu tố tạo hình (mỹ thuật), những hoa văn phản ánh quan niệm về xã hội, về nhân sinh quan. Lúc đầu gốm được sản xuất bằng đất sét trộn lẫn với sỏi, cát, vỏ sò và một số tạp chất khác vì vậy độ kết dính không cao, cốt nặng và dày, hình dáng thấp, thô, hoa văn chỉ là những đường tròn, đường chéo, hình tam giác, hình thoi đơn giản. Đến giai đoạn sau, nhờ sự sáng tạo của con người và giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, kỹ thuật sản



xuất gốm nước ta đã có những bước phát triển đáng ghi nhận ở hai góc độ: Mỹ thuật và kỹ thuật. Qua từng giai đoạn khác nhau, gốm lại có những yếu tố mới ở nhiều góc độ hình dáng, hoa văn, chất liệu sản xuất và kỹ thuật được thể hiện trên gốm một cách rõ nét.

Qua quá trình sưu tập và nghiên cứu chúng tôi nhận thấy gốm là một loại sản phẩm ra đời từ rất sớm với mục đích chính là để phục vụ cho con người. Nguyên liệu để sản xuất ra gốm dễ kiếm, dễ sản xuất nên những sản phẩm gốm đã có mặt hầu hết trong sinh hoạt, công trình kiến trúc, xây dựng, trang trí. Ban đầu gốm được sử dụng trong đời sống hàng ngày, trải qua quá trình lịch sử gốm đã trở thành những hiện vật quý mang trên mình nhiều giá trị khác nhau (mỹ thuật, văn hoá, lịch sử, kinh tế). Với bốn yếu tố vô cùng quan trọng đó là lịch sử, văn hoá, mỹ thuật và kinh tế, gốm cổ đã trở thành nhu cầu thương thức của xã hội và nó đã trở thành hàng hoá - một loại hàng hoá đặc biệt, chúng có thể trao đổi, mua bán, tặng đối với một cá nhân, một dòng họ, một quốc gia hoặc một cộng đồng xã hội. Không những thế nó còn mang thông điệp của thế hệ đi trước gửi gắm cho các thế hệ sau. Nó mang trên mình những quan niệm về thẩm mỹ, về xã hội, về những tư tưởng và tinh thần tôn giáo qua hình dáng, họa tiết, hoa văn trên những hiện vật. Tất cả những yếu tố đó hoà quyện với nhau tạo nên màu sắc bản địa nơi nó được sinh ra.

Gốm cổ cũng trở thành một trong những phương tiện để các nhà nghiên cứu giải mã ở nhiều lĩnh vực khoa học xã hội như lịch sử, khảo cổ, mỹ thuật, văn hoá... Ngày nay, khi tiếp cận với những hiện vật gốm thế hệ mới, phần lớn không biết những hiện vật này được làm từ chất liệu gì, công dụng của nó ra sao và sử dụng nó theo quy trình nào, những họa tiết hoa văn phản ánh thông điệp gì?... Do đó, thế hệ sau sẽ không hiểu thế hệ trước đã sống, sinh hoạt, lao động ra sao và họ nghĩ gì, quan niệm gì về xã hội, vũ trụ và tư duy con người.

Và khi không hiểu họ sẽ không giữ gìn và những cổ vật này sẽ mai một và mất đi dẫn đến văn hoá sẽ bị mất đi. Khi văn hoá mất đi thì bản sắc của dân tộc sẽ không tồn tại và sẽ bị nô dịch về văn hoá của một dân tộc khác.

Gốm Việt Nam ra đời từ rất sớm. Với vẻ đẹp của mình, từ xa xưa nó đã tự tìm cho mình một vị trí nhất định trên trường quốc tế. Nhưng cũng có thời gian nó đã bị lãng quên ngay trên mảnh đất sinh ra nó. Trong thời điểm nó bị lãng quên, nhiều cá nhân và tập thể nước ngoài đã tìm kiếm nhiều cổ vật đẹp và quý của Việt Nam mang về nước. Từ đó, họ đã xây dựng thành những bộ sưu tập gốm Việt Nam lớn và hoàn chỉnh. Hiện nay, công việc đó vẫn còn tiếp diễn với nhiều hình thức khác nhau.

Đứng trước xu thế hội nhập mang tính toàn cầu, chúng ta cần phải hiểu rõ hơn về gốm cổ Việt Nam với chức năng và những yếu tố văn hoá của nó đối với con người Việt Nam. Công việc tìm hiểu đó diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau như qua các phương tiện thông tin, tham quan du lịch, học tập hay sưu tầm, sưu tập, nghiên cứu và trao đổi.

Ở nước ta hiện nay, sưu tầm, sưu tập, mua bán gốm cổ là một hoạt động mới so với nhiều quốc gia. Xã hội hoá các hoạt động này là một việc vô cùng cần thiết. Việc vừa bảo vệ gốm cổ với nhiều hiện vật quý hiếm không bị hỏng, biến dạng và thất thoát vừa tuyên truyền, giới thiệu được bản sắc văn hoá của gốm cổ là một vấn đề phức tạp và nhạy cảm. Để làm được việc này, cần có tính thống nhất về nhận thức giá trị của gốm cổ trong nhiều lĩnh vực xã hội liên quan đến gốm cổ.